

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-02-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Nhanh.
Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24-01-2019).

Bị đơn: Ông Đặng Thanh B - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: ấp Hòa Tây, xã B1, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24-01-2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-10-2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà H và ông Đặng Thanh B cưới nhau tháng 01-1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà H và ông B chung sống đến tháng 02 năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng gay gắt về quan điểm sống, thường xuyên gây cãi nhau nên đã sống riêng từ tháng 10 năm 2004 đến nay. Hiện bà H yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: bà H và ông B có 01 con chung tên Đặng Thị Như Ng, sinh ngày 15-9-1997. Con chung đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24-01-2019, bà H giữ nguyên các yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện.

Theo bản tự khai ngày 21-12-2018, ông Đặng Thanh B khai: ông B thống nhất toàn bộ các vấn đề mà bà H đã nêu trong đơn khởi kiện. Ông B đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Thị Như Ng, sinh ngày 15-9-1997. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24-01-2019, ông B giữ nguyên các nội dung trong bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đặng Thanh B. Ông B hiện đang cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông B vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà H và việc ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H: bà H và ông B chung sống với nhau từ tháng 01 năm 1997 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: bà H và ông B có 01 con chung tên Đặng Thị Như Ng, sinh ngày 15-9-1997. Con chung của bà H và ông B đã thành niên. Bà H và ông B không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông B cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Thanh B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.
- Về con chung: bà H và ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông B cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004368 ngày 21-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Đông;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên